

Bản án số: 114/2025/DS-ST
Ngày: 16 - 12 - 2025
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Giữ, ông Trần Thế Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Phát Huy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang.

Ngày 16 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 – An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 423/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 544/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1967; cư trú tại: số 20/02, ấp VP, xã VTT, tỉnh An Giang. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị N là: ông Lê Thịnh V, sinh năm 1976; cư trú tại: ấp VT, xã CP, tỉnh An Giang. Vắng mặt

- *Bị đơn:* bà Trần Thị Kim Q, sinh năm 1964; cư trú tại: số 83, tổ 04, ấp VQ, xã VTT, tỉnh An Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/7/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Lê Thịnh V là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Ngày 17/11/2014, bà Q thỏa thuận vay của bà N số tiền 150.000.000đ. Ngày 21/12/2014, bà Q vay thêm số tiền 100.000.000đ. Cả hai lần vay hai bên không thỏa thuận thời hạn vay, chỉ thỏa thuận lãi suất bằng lời nói là 2%/tháng.

Từ khi vay đến nay bà Q vi phạm nghĩa vụ trả vốn và lãi, bà N đã nhiều lần yêu cầu bà Q trả nợ nhưng bà Q chỉ hứa hẹn mà không thực hiện. Nay bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Q có trách nhiệm trả tổng nợ gốc vay 250.000.000đ, yêu cầu tính lãi suất 10%/năm tính từ ngày 21/12/2014 đến ngày 14/7/2025 tiền lãi là 275.000.000đ, tổng vốn lãi là 525.000.000đ. Đồng thời, tiếp tục tính lãi tiếp theo sau ngày 14/7/2025 đến khi giải quyết xong vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà N chỉ yêu cầu bà Q trả lại nợ gốc vay 250.000.000đ, đối với yêu cầu tính lãi thì rút lại, không yêu cầu tính lãi trong giai đoạn thi hành án.

Tại đơn yêu cầu đề ngày 26/11/2025, văn bản ý kiến ngày 15/12/2025 bị đơn bà Trần Thị Kim Q trình bày:

Bà có vay của bà N tổng số tiền 250.000.000đ, cụ thể: ngày 17/11/2014 vay 150.000.000đ, ngày 21/12/2014 vay 100.000.000đ. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện đã hết. Nay bà yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà theo quy định pháp luật và yêu cầu đình chỉ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chỉ yêu cầu đòi lại nợ gốc đã vay. Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định lại quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

[1.2] Bị đơn có nơi cư trú tại xã VTT, tỉnh An Giang, căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân khu vực 13 – An Giang thụ lý giải quyết là đúng với quy định pháp luật.

[1.3] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.4] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N có văn bản ủy quyền cho ông Lê Thịnh V đại diện tham gia tố tụng. Xét văn bản ủy quyền là phù hợp với quy định pháp luật và không có căn cứ thể hiện người được ủy quyền thuộc trường hợp không được tham gia ủy quyền. Vì vậy, việc ủy quyền của bà N cho ông Vượng được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.5] Bà N cung cấp biên nhận đề ngày 17/11/2014 và ngày 21/12/2014 thể hiện bà Q nợ tổng số tiền 250.000.000đ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ án bà Q có văn bản thừa nhận nợ bà N tổng số tiền 250.000.000đ. Do đó, căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định các biên nhận nợ do bà N cung cấp và lời thừa nhận của Q là chứng cứ để giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Bà N và bà Q xác lập hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, hình thức giao dịch thể hiện bằng văn bản. Khi xác lập giao dịch các bên đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi, nội dung và mục đích của giao dịch không trái quy định pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015, do đó hợp đồng vay tài sản giữa bà N với bà Q là phù hợp với quy định, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao dịch.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án bà N rút lại yêu cầu đối với tiền lãi 275.000.000đ, lãi phát sinh và kể cả giai đoạn thi hành án. Xét thấy, việc rút lại yêu cầu của bà N là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu này.

[2.3] Về yêu cầu trả nợ gốc vay: bà Q thống nhất tổng số tiền nợ bà N là 250.000.000đ và có đơn đề nghị áp dụng thời hiệu, yêu cầu đình chỉ vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của bà N. Căn cứ Điều 429 của Bộ luật Dân sự và Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thời hiệu yêu cầu khởi kiện hợp đồng vay tài sản của bà N đã hết và yêu cầu tính thời hiệu của bà Q là phù hợp với quy định. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Q trả lại nợ gốc vay 250.000.000đ và đã rút lại yêu cầu tính lãi nên đây được xem là trường hợp đòi lại tài sản được quy định tại Điều 166 của Bộ luật Dân sự. Do đó, bà N yêu cầu bà Q trả lại tổng số tiền còn nợ là 250.000.000đ là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử xét chấp nhận.

[2.4] Bà N không yêu cầu tính lãi tại giai đoạn thi hành án đối với số tiền 250.000.000đ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự: căn cứ Điều 147 của Bộ luật Dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận. Bà N được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Bà Q là người cao tuổi nhưng không có đơn đề nghị miễn, giảm án phí do đó phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 93, Điều 95, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi lại tài sản của bà Nguyễn Thị N đối với bà Trần Thị Kim Q.

Buộc bà Trần Thị Kim Q có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị N 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng). Bà Trần Thị Kim Q không phải chịu tiền lãi tại giai đoạn thi hành án.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với bà Trần Thị Kim Q về tiền lãi 275.000.000đ (hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

2. Về án phí dân sự:

Bà Trần Thị Kim Q phải chịu 12.500.000đ (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị N được nhận lại 12.500.000đ (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007579 ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 – An Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND KV13-An Giang;
- PTHADS KV13-An Giang;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Quang